

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-TTHĐ ngày 04/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 32/TTr-SNN ngày 25/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên.

2. **Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hưng Yên.

3. **Nhà thầu lập dự án:** Trung tâm tư vấn kỹ thuật đề điều thủy lợi Hưng Yên.

4. **Chủ nhiệm lập dự án:** Kỹ sư Phạm Chi Kiên

5. **Mục tiêu đầu tư:** Cải tạo, nâng cấp và xây mới cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên để có điều kiện phát triển với quy mô lớn theo hình thức trang trại, khu nông nghiệp, ứng dụng khoa học và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, cũng như về số lượng giống. Qua đó, góp phần đáp ứng nhu cầu giống xây trồng, giống vật nuôi tốt cho địa bàn huyện, tỉnh; góp phần nâng cao giá trị sản xuất trong nông nghiệp; từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong thời kỳ hội nhập và triển khai có hiệu quả Đề án tái

cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; cải thiện môi trường sinh thái theo hướng tích cực, góp phần xây dựng thành công nông thôn mới.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tại Cơ sở truyền tinh nhân tạo gia súc huyện Yên Mỹ, gồm các hạng mục sau:

6.1.1. Xây dựng hệ thống chuồng nuôi lợn đực giống, kết hợp nhà sản xuất và bảo quản tinh đáp ứng quy mô cho 52 con với tổng diện tích 578,60m² (trong đó, kích thước sàn chuồng nuôi bxl= 14x35= 490m², kích thước sàn nhà sản xuất và bảo quản tinh bxl = 7,05x12,56 = 88,6m²).

Giải pháp thiết kế chính: Đối với chuồng nuôi có kết cấu nhà khung cột BTCT M200, tường xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền bê tông M150, tấm sàn BTCT M200, nền móng gia cố bằng cọc tre, ô thoáng bằng kính, mái lợp tôn lạnh chống nóng và phía dưới có làm trần giữ nhiệt. Bố trí 04 dãy chuồng với các ô chuồng làm bằng thép không gỉ (inox) cùng với hệ thống ăn uống và làm mát tự động; Đối với nhà sản xuất và bảo quản tinh có kết cấu 01 tầng, tường chịu lực xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, sàn mái BTCT M200, nền lát gạch CERAMIC, mái lợp tôn chống nóng, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre.

6.1.2. Xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín đáp ứng quy mô cho 100 con lợn nái giống với tổng diện tích 1.274m².

Giải pháp thiết kế chính: Kết cấu nhà khung cột BTCT M200, tường xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền bê tông M150, tấm sàn BTCT M200, nền móng gia cố bằng cọc tre, ô thoáng bằng kính, mái lợp tôn lạnh chống nóng và phía dưới có làm trần giữ nhiệt. Các ô chuồng làm bằng thép không gỉ (inox), mỗi sàn chia làm 02 dãy chuồng cùng với hệ thống ăn uống và làm mát tự động

Kích thước sàn các chuồng cụ thể như sau:

- Chuồng lợn chờ phối: bxl= 8,29x20 = 165,8m².
- Chuồng lợn nái chửa: bxl= 8,29x28,44 = 235,8 m².
- Chuồng lợn nái đẻ: bxl= 8,24x27,94 = 230,2 m².
- Chuồng lợn con sau cai sữa: bxl = 8,24x26,44 = 217,9 m².
- Chuồng lợn hậu bị: bxl= 13,94x30,44 = 424,3 m².

6.1.3. Xây dựng nhà chế biến và bảo quản thức ăn cho lợn, kho thuốc thú y với tổng diện tích 176,9 m².

Giải pháp thiết kế chính: Nhà chế biến và bảo quản thức ăn cho lợn có kết cấu khung cột BTCT M200, tường xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, mái lợp tôn lạnh chống nóng, nền đổ BTXM M150, toàn bộ tường và trần quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre, kích thước sàn bxl=6,50x17,50=113,8 m²; Kho thuốc thú y có kết cấu 01 tầng, tường chịu lực xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, sàn mái BTCT M200, nền lát gạch CERAMIC, mái lợp tôn chống nóng, toàn bộ

tường quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre, kích thước sàn $b \times l = 6,45 \times 9,75 = 62,9 \text{ m}^2$.

6.1.4. Xây dựng hệ thống xử lý và cấp nước phục vụ sản xuất, công suất $45 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

6.1.5. Xây dựng hầm BIOGAS và hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn công suất $45 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, hầm bể BIOGAS dùng loại hầm bể làm bằng chất liệu nhựa composite. Các bể lọc có kết cấu tường xây gạch chi M75 vữa XMCV M75, đáy đổ bê tông cốt thép M200, tường chắn đất xung quanh hồ sinh học xây đá hộc vữa XMCV M75.

6.1.6. Xây dựng hệ thống cấp điện phục vụ sản xuất: Cải tạo, sửa chữa và bảo dưỡng máy biến áp; cải tạo, nâng cấp đường dây và hệ thống điện chiếu sáng cho toàn khu vực.

6.1.7. Nhập ngoại 20 con lợn đực giống đã đến thời kỳ sản xuất tinh loại giống Yorkshine, Duroc và Landrace có chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường.

6.1.8. Nhập ngoại 100 con lợn nái giống đến thời kỳ chờ phối để sản xuất lợn giống loại giống Yorkshine, Duroc và Landrace để sản xuất lợn con giống có chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường.

6.1.9. Cải tạo và mở rộng nhà điều hành 02 tầng gồm các nội dung sau:

- Xây dựng mở rộng nhà điều hành 02 tầng mới nối tiếp với nhà điều hành 02 tầng cũ với diện tích sàn $b \times l = (7,7 \times 13,72) \text{ m}$; kết cấu nhà khung cột BTCT M200, tường xây gạch chi M50 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, nền lát gạch CERAMIC, trần đổ bê tông cốt thép M200, mái lợp tôn chống nóng, cửa đi bằng Pano gỗ, cửa sổ ngoài cửa nhựa lõi thép trong hoa sắt Inox, toàn bộ tường và trần quét sơn 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre.

- Cải tạo nhà điều hành 02 tầng cũ: Lát lại nền nhà bằng gạch CERAMIC, cạo bỏ toàn bộ lớp vữa cũ của tường, trần và trát lại bằng vữa XMCV M50, toàn bộ tường và trần quét sơn 3 nước, thay mới toàn bộ cửa.

6.1.10. Xây dựng đường bê tông xi măng M200 dày 20cm đảm bảo nhu cầu đi lại và phục vụ sản xuất bao gồm: Đường vào cơ sở và đường nội bộ tổng chiều dài khoảng 167m với chiều rộng mặt đường $B = 4,0 \text{ m}$, đường nội bộ chiều dài khoảng 68m với chiều rộng mặt đường $B = 3,0 \text{ m}$. Xây dựng hoàn chỉnh sân vườn, công và tường rào bảo vệ.

6.2. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng tại Cơ sở sản xuất giống cây trồng và giống gia súc huyện Phù Cừ, gồm các hạng mục sau:

6.2.1. Xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín đáp ứng quy mô cho 500 con lợn nái giống, tổng diện tích $5.521,2 \text{ m}^2$. Giải pháp thiết kế chính: Kết cấu nhà khung cột BTCT M200, tường xây gạch chi M75, vữa XCV M50, trát tường vữa XCV M50, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền bê tông M150, tấm sàn BTCT M200, nền móng gia cố bằng cọc tre, ô thoáng bằng kính, mái lợp tôn lạnh chống nóng và phía dưới có làm trần giữ nhiệt. Bố trí 02 dãy chuồng với các ô chuồng làm bằng thép không gỉ (inox) cùng với hệ thống ăn uống và làm mát tự động.

Kích thước sàn các chuồng cụ thể như sau:

- Chuồng lợn chờ phối có 5 sản: $b \times l = (8,29 \times 20) \times 5 = 829 \text{ m}^2$.
- Chuồng lợn nái chửa có 5 sản: $b \times l = (8,29 \times 28,44) \times 5 = 1.178,8 \text{ m}^2$.
- Chuồng lợn nái đẻ có 5 sản: $b \times l = (8,24 \times 27,94) \times 5 = 1.151,1 \text{ m}^2$.
- Chuồng lợn con sau cai sữa có 5 sản: $b \times l = (8,24 \times 26,44) \times 5 = 1.089,3 \text{ m}^2$.
- Chuồng lợn hậu bị có 3 sản: $b \times l = (13,94 \times 30,44) \times 3 = 1.273,0 \text{ m}^2$.

6.2.2. Xây dựng nhà chế biến và bảo quản thức ăn (cho lợn và bò), kho thuốc thú y với tổng diện tích $325,5 \text{ m}^2$.

Giải pháp thiết kế chính: Nhà chế biến và bảo quản thức ăn cho lợn có kết cấu khung cột BTCT M200, tường xây gạch chỉ M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, mái lợp tôn lạnh chống nóng, nền đỡ BTXM M150, toàn bộ tường và trần quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre, kích thước sàn $b \times l = (7,50 \times 17,50) \times 2 = 262,6 \text{ m}^2$; Kho thuốc thú y có kết cấu 01 tầng, tường chịu lực xây gạch chỉ M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, sàn mái BTCT M200, nền lát gạch CERAMIC, mái lợp tôn chống nóng, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre, kích thước sàn $b \times l = 6,45 \times 9,75 = 62,9 \text{ m}^2$.

6.2.3. Xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín đáp ứng quy mô cho 100 con bò giống, xây dựng 03 chuồng bò với tổng diện tích sàn $b \times l = 13,80 \times 39,94 \times 3 = 1.653,5 \text{ m}^2$. Giải pháp thiết kế chính: Kết cấu nhà khung cột BTCT M200, tường xây gạch chỉ M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, toàn bộ tường quét vôi ve 3 nước, nền đỡ bê tông M150, nền móng gia cố bằng cọc tre, ô thoáng bằng kính, mái lợp tôn lạnh chống nóng. Bố trí 02 dãy chuồng với các ô chuồng làm bằng thép không gỉ (inox) kết hợp với tường xây gạch cùng với hệ thống làm mát tự động và sân chơi cho bò.

6.2.4. Xây dựng hệ thống xử lý và cấp nước phục vụ sản xuất công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

6.2.5. Xây dựng hầm BIOGAS và hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, hầm bể BIOGAS dùng loại hầm bể làm bằng chất liệu nhựa composite. Các bể lọc có kết cấu tường xây gạch chỉ M75 vữa XMCV M75, đáy đỡ bê tông cốt thép M200, tường chắn đất xung quanh hồ sinh học xây đá hộc vữa XMCV M75.

6.2.6. Xây dựng hệ thống cấp điện phục vụ sản xuất: Xây dựng mới hệ thống điện gồm máy biến áp tự dùng loại 250KVA; đường dây và hệ thống chiếu sáng cho toàn khu vực.

6.2.7. Nhập ngoại 500 con lợn nái giống đến thời kỳ chờ phối để sản xuất lợn giống loại giống Yorkshine, Duroc và Landrace để sản xuất lợn con giống có chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường.

6.2.8. Nhập mới 100 con bò cái giống thuần chủng để cung cấp bò giống có chất lượng đảm bảo theo yêu cầu của thị trường.

6.2.9. Cài tạo trạm bơm, kiên cố hóa kênh tưới, kênh tiêu:

- Cài tạo và nâng cấp 01 trạm bơm tưới, tiêu nước với công suất 01 máy bơm lưu lượng $Q = 540 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Kiên cố hóa tuyến kênh B1: Chiều dài $L = 295,0\text{m}$, kênh hình chữ nhật với kích thước $\text{b} \times \text{h} = (0,7 \times 0,8)\text{m}$. Đáy kênh đổ bê tông M200, tường kênh xây gạch chi đặc M75 vữa XMCV M75, trát tường vữa XMCV M75, có bố trí các giằng chống ngang và dọc.

- Kiên cố hóa tuyến kênh B3: Chiều dài $L = 325,0\text{m}$, kênh hình thang với kích thước $\text{b} \times \text{h} = (1,50 \times 1,39)\text{m}$, hệ số mái $m = 1,0$. Đáy kênh đổ bê tông M200, mái kênh có kết cấu phía dưới là vải địa kỹ thuật, phía trên lát tấm BTCT M200 dày 6cm, khóa mái kênh bằng bê tông M200.

- Kiên cố hóa tuyến kênh B4: Chiều dài $L = 485,0\text{m}$, kênh hình chữ nhật với kích thước $\text{b} \times \text{h} = (0,5 \times 0,7)\text{m}$. Đáy kênh đổ bê tông M200, tường kênh xây gạch chi đặc M75 vữa XMCV M75, trát tường vữa XMCV M75, có bố trí các giằng chống ngang và dọc.

- Kiên cố hóa tuyến kênh C8: Chiều dài $L = 140,0\text{m}$, kênh hình thang với kích thước $\text{b} \times \text{h} = (1,50 \times 1,40)\text{m}$, hệ số mái $m = 1,0$. Đáy kênh đổ bê tông M200, mái kênh có kết cấu phía dưới là vải địa kỹ thuật, phía trên lát tấm BTCT M200 dày 6cm, khóa mái kênh bằng bê tông M200.

- Kiên cố hóa tuyến kênh C12: Chiều dài $L = 522,0\text{m}$, kênh hình thang với kích thước $\text{b} \times \text{h} = (1,50 \times 1,38)\text{m}$, hệ số mái $m = 1,0$. Đáy kênh đổ bê tông M200, mái kênh có kết cấu phía dưới là vải địa kỹ thuật, phía trên lát tấm BTCT M200 dày 6cm, khóa mái kênh bằng bê tông M200.

6.2.10. Đầu tư mua sắm trang thiết bị và máy móc phục vụ sản xuất giống bao gồm: Máy sấy loại 15 tấn: 01 cái; máy làm sạch hạt giống: 01 cái; máy làm đất: 02 cái.

6.2.11. Xây dựng khu nhà ở cho công nhân với 08 phòng ngủ và 02 phòng tắm kết hợp vệ sinh, diện tích $\text{b} \times \text{l} = 6,45 \times 33,00 = 212,9 \text{ m}^2$. Kết cấu 01 tầng, tường chịu lực xây gạch chi M75 vữa XMCV M50, trát tường vữa XMCV M50, sàn mái BTCT M200, nền lát gạch CERAMIC, mái lợp tôn chống nóng, cửa đi và cửa sổ là cửa Pano gỗ, toàn bộ tường và trần quét vôi ve 3 nước, nền móng gia cố bằng cọc tre. Có bố trí hệ thống điện, nước, vệ sinh phục vụ sinh hoạt cho công nhân.

6.2.12. Xây dựng hệ thống đường giao thông nội đồng: Xây dựng các tuyến đường C1, C2, C3, C4, C13 và C16 với tổng chiều dài $L = 1.496,7\text{m}$, mặt đường đổ bê tông M200 rộng 2,0m dày 18cm, nền đường rải cấp phối đá dăm dày 12cm (trừ các tuyến đường đã có nền), lề đường đắp đất, bù vênh và tạo phẳng nền đường bằng cát đen; có bố trí khe co, khe giãn mặt đường.

6.2.13. San lấp mặt bằng, xây dựng công, tường rào, đường giao thông nội bộ khu vực chăn nuôi:

- San lấp mặt bằng toàn bộ khu vực xây dựng chuồng trại chăn nuôi với diện tích khoảng 2,90ha bằng cát đen.

- San lấp mặt bằng toàn bộ khu vực trồng cỏ phục vụ chăn nuôi với diện tích khoảng 4,10ha bằng cát đen và đất màu.

- Xây dựng sân phơi, công và tường rào bảo vệ cơ sở.
- Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ khu vực chăn nuôi:
 - + Tuyến đường nội bộ: Chiều rộng mặt đường B = 3,0m, tổng chiều dài khoảng L = 1252,5m, mặt đường đổ bê tông M200 dày 20cm, móng đường rải cấp phối đá dăm dày 12cm.
 - + Tuyến đường nội bộ: Chiều rộng mặt đường B = 1,0m, tổng chiều dài khoảng L = 1.320,0m, mặt đường đổ bê tông M200 dày 15cm, móng đường rải cấp phối đá dăm dày 10cm.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Yên Mỹ và huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

8. Diện tích sử dụng đất: Tổng dự án khoảng 29,65 ha, bao gồm:

- Tại cơ sở Truyền tinh nhân tạo gia súc huyện Yên Mỹ: 0,83ha;
- Tại cơ sở Sản xuất giống cây trồng và giống gia súc huyện Phù Cù: 28,82 ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chăn nuôi.
- Cấp công trình:
 - + Hạng mục công trình chăn nuôi, thủy lợi: Cấp IV.
 - + Hạng mục công trình giao thông: Cấp IV.
 - + Hạng mục công trình dân dụng: Cấp IV.
 - + Hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật: Cấp IV.
 - + Hạng mục công trình công nghiệp: Cấp IV.

10. Tổng mức đầu tư : 81.800.000.000 đồng

(Tám mươi một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	: 50.040.908.000 đồng
	- Chi phí mua giống (tạm tính)	: 9.000.000.000 đồng
	- Chi phí thiết bị	: 4.294.196.000 đồng
	- Chi phí QLDA	: 1.018.490.000 đồng
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 3.600.897.000 đồng
	- Chi phí khác	: 3.978.068.000 đồng
	- Chi phí GPMB (tạm tính)	: 1.000.000.000 đồng
	- Chi phí dự phòng	: 8.867.441.000 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; ngân sách Tỉnh đối ứng thực hiện đền bù GPMB.

12. Hình thức Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực thuộc sở Nông nghiệp và quản lý điều hành dự án theo quy định.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016- 2020.

* Lưu ý: Trước khi lập Thiết kế bản vẽ thi công, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện:

- Lập hồ sơ Đánh giá tác động môi trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế khảo sát, tính toán lại chi tiết về quy mô, các chỉ tiêu thiết kế để đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội, trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định.

Điều 2: Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{LC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



***Đặng Ngọc Quỳnh**